

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 21-5-2019

V/v “*Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Trọng Danh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Hương
Ông Nguyễn Đình Trung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 42, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Hồ Ngọc T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: 3 C, St. R, Australia (Úc). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và ông Hồ Ngọc T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, hôn nhân dựa trên tình thân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Chúng tôi có đăng ký kết

hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017, ông T xuất cảnh sang Australia (Úc) và ở luôn bên đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi thấy không còn tình cảm với ông T nữa nên kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Hồ Ngọc T.

Về quan hệ con chung:

Tôi xác định có 02 con chung với ông Hồ Ngọc T, tên là Hồ Nguyễn Nguyên K, giới tính nam, sinh ngày 10/3/2005 và Hồ Nguyễn Khánh T', giới tính nữ, sinh ngày 08/9/2007. Hiện hai cháu đang ở với tôi.

Ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông Hồ Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xác định không có.

Về nợ chung: Tôi xác định không có.

Tại bản trình bày đề ngày 26/02/2019, đơn trình bày ý kiến và đơn xin rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận ngày 19/4/2019, bị đơn ông Hồ Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

Về con chung: Tôi xác định có 02 con chung với bà Nguyễn Thị X, tên là Hồ Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 10/3/2005 và Hồ Nguyễn Khánh T', sinh ngày 08/9/2007.

Ly hôn, tôi đồng ý giao cho vợ tôi nuôi cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xác định không có.

Về nợ chung: Tôi xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị X đối với ông Hồ Ngọc T. Ông Hồ Ngọc T hiện đang cư trú tại Úc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Hồ Ngọc T theo đường dịch vụ bưu chính. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Ngọc T đều có đơn xin rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án. Ông Hồ Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn của ông Hồ Ngọc T phản hồi cho Tòa án nhân dân thành

phố Đà Nẵng theo đường dịch vụ bưu chính, kèm theo chứng từ báo phát và phong bì, thể hiện người gửi là ông Hồ Ngọc T, từ địa chỉ: 3 C, St. R, Australia nên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa vào ngày 25 tháng 4 năm 2019 và áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hồ Ngọc T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2005 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên – Huế, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà X là do vợ chồng sống không còn hợp nhau về tính cách và quan điểm sống. Ngoài ra, bà X cho rằng, từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không còn chung sống với nhau nữa, bà X và các con sinh sống ở Việt Nam còn ông T sinh sống và làm việc ở Úc. Hôn nhân giữa bà X và ông T chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà X. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X đối với ông Hồ Ngọc T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị X xác định vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Nguyên K, giới tính nam, sinh ngày 10/3/2005 và Hồ Nguyễn Khánh T', giới tính nữ, sinh ngày 08/9/2007. Ly hôn, bà X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn trình bày ý kiến, ông Hồ Ngọc T đồng ý giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, xét hoàn cảnh thực tế của đương sự thì thấy: hiện nay cả 02 con chung đều đang chung sống với bà X. Các cháu vẫn học tập và sinh hoạt bình thường. Cả hai cháu đều có đơn trình bày ý kiến xin được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định hiện nay của các con chung, cũng như nguyện vọng của các cháu, của bà X; Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Bà X không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Ngọc T xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị X đối với ông Hồ Ngọc T, nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, khoản 5 Điều 477; Điều 464; điểm c, khoản 1 Điều 474; khoản 1,2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị X đối với ông Hồ Ngọc T.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Ngọc T.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Ngọc T xác định có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Nguyên K, giới tính nam, sinh ngày 10/3/2005 và Hồ Nguyễn Khánh T’, giới tính nữ, sinh ngày 08/9/2007.

Giao cả 02 con chung cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Hồ Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 001668 ngày 11/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị X đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị X được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên – Huế;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Trọng Danh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Trung

Trịnh Thị Hương

Bùi Trọng Danh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày 21 tháng 5 năm 2019

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trọng Danh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Trung

Bà Trịnh Thị Hương

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, nuôi con chung" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 42, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Hồ Ngọc T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: 3 Cashmere, St. Rothwell QLD 4022, Australia (Úc). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

*** Về điều luật áp dụng:**

- Bà Trịnh Thị Hương phát biểu ý kiến:

Căn cứ: Điểm a, khoản 5 Điều 477; Điều 464; điểm c, khoản 1 Điều 474; khoản 1,2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Đình Trung thống nhất với ý kiến của bà Trịnh Thị Hương.

- Ông Bùi Trọng Danh thống nhất với ý kiến của các Hội thẩm nhân dân.

Biểu quyết: 3/3.

*** Về những vấn đề cần giải quyết:**

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Ngọc T.
- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Hồ Ngọc T xác định có 02 con chung tên Hồ Nguyễn Nguyên K, giới tính nam, sinh ngày 10/3/2005 và Hồ Nguyễn Khánh T', giới tính nữ, sinh ngày 08/9/2007.

Giao cả 02 con chung cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Hồ Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 001668 ngày 11/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị X đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị X được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Ông Bùi Trọng Danh thống nhất với ý kiến của các Hội thẩm nhân dân.

Biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.... giờ.....phút, ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Trung Trịnh Thị Hương

Bùi Trọng Danh